

luyện cán bộ để nâng cao trình độ kỹ thuật, trình độ tổ chức quản lý công trường, trình độ nghiệp vụ. Với sự giúp đỡ của các đồng chí chuyên gia và công nhân bạn, tổ chức học tập kỹ thuật cho cán bộ công nhân trên công trường. Trên thực tế công tác, xây dựng các đội công trình chuyên nghiệp cho tương lai công tác thủy lợi.

— Ban Chỉ huy công trường có quyền:

1) Sử dụng nhân tài vật lực trên công trường để phục vụ sản xuất.

2) Điều động cán bộ công nhân lao động thuộc phạm vi quyền hạn của mình từ bộ phận này đến bộ phận khác trên công trường để làm nhiệm vụ sản xuất (trừ các Trưởng, Phó phòng).

3) Xét thành tích đơn vị và cá nhân xuất sắc để khen thưởng và đề nghị khen thưởng, xét sai lầm của cá nhân hay đơn vị để thi hành kỷ luật hay đề nghị kỷ luật.

4) Dùng con dấu riêng.

5) Liên lạc với các Cục, Vụ, Phòng trực thuộc Bộ Thủy lợi, với các Bộ khác và các cơ quan trung ương có liên quan công tác, với các cơ quan đoàn thể địa phương để nhờ sự giúp đỡ trong khi xây dựng và phối hợp trên mọi công việc có liên quan.

Điều 3. — Ban Chỉ huy công trường gồm bảy người: một trưởng ban, một phó ban và năm ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm điều khiển chung, phó ban giúp trưởng ban trong việc điều khiển và thay thế trưởng ban khi trưởng ban vắng mặt. Các ủy viên, ngoài việc chịu trách nhiệm chung, chịu trách nhiệm riêng một công tác chuyên môn theo sự phân công. Giúp việc ban chỉ huy có một bộ máy gồm tám phòng: phòng Kỹ thuật, phòng Tổ chức nhân lực, phòng Bảo vệ, phòng Tài vụ, phòng Cung ứng, phòng Y tế, phòng Tuyên huấn thi đua và phòng Hành chính quản trị. Mỗi phòng có một Trưởng phòng điều khiển và một số cán bộ nhân viên giúp việc. Nếu cần thì có thêm một Phó phòng.

Điều 4. — Ban Chỉ huy công trường cống Giang cao, ông Chánh văn phòng Bộ, các Cục, Vụ, Phòng trực thuộc Bộ Thủy lợi, Ủy ban Hành chính Khu Tả ngạn, Ủy ban Hành chính các tỉnh Bắc ninh, Hưng yên, Hải dương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 16 tháng 8 năm 1958

K. T. Bộ trưởng Bộ Thủy lợi

Thứ trưởng

NGUYỄN VĂN LỘC

BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

NGHỊ ĐỊNH số 56-NĐ ngày 25-8-1958 án định tiền hoa hồng cho các nơi bán lê tem thư bưu điện.

Căn cứ theo nghị định của Bộ Giao thông và Bưu điện số 330-NĐ ngày 23-10-1957 quy định cước phí thư tín, điện báo, điện thoại áp dụng trong nước;

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 1958, các đại lý bán tem thư bưu điện, các trưởng trạm bưu chính xã nhận tem thư ứng trước của Bưu điện về bán cho nhân dân trong xã, các liên lạc viên cơ quan, liên lạc viên các đơn vị bộ đội, công trường, mua tem thư về bán lại cho cán bộ, nhân viên, quân nhân ở đơn vị mình, được hưởng một khoản hoa hồng là 5% (năm phần trăm) giá tiền in trên tem.

Điều 2. — Những văn bản trước trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện, Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 25 tháng 8 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện
NGUYỄN VĂN TRẦN

BỘ Y TẾ

NGHỊ ĐỊNH số 642-BYT/PB ngày 26-6-1958 ban hành điều lệ kiểm dịch biên giới của nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ nghị định số 248-TTg ngày 19 tháng 5 năm 1958 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức việc kiểm dịch biên giới của nước Việt nam dân chủ cộng hòa;

Theo đề nghị của ông Giám đốc Vụ Phòng bệnh;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành điều lệ kiểm dịch biên giới của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa kèm theo nghị định này.

Điều 2. — Ủy ban Hành chính các khu, tỉnh, thành phố và các ông Giám đốc Vụ Phòng bệnh, Chánh Văn phòng Bộ Y tế chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 26 tháng 6 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Y tế

B.S. HOÀNG TÍCH TRÝ

ĐIỀU LỆ KIỂM DỊCH BIÊN GIỚI CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. — Bản điều lệ này qui định chi tiết thể lệ kiểm dịch biên giới của nước Việt nam dân chủ cộng hòa để phòng ngừa những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm truyền từ nước ngoài vào nước VIỆT NAM hoặc từ nước Việt nam truyền ra nước ngoài.

Điều 2. — Những bệnh truyền nhiễm phải kiểm dịch là những bệnh sau đây :

- Bệnh dịch hạch,
- Bệnh thổ tả,
- Bệnh đậu mùa,
- Bệnh sốt vàng,
- Bệnh sốt phát ban (do chảy rận),
- Bệnh sốt hồi quy (do chảy rận).

Điều 3. — Thời gian ủ bệnh của các bệnh truyền nhiễm kiểm dịch ấn định như sau :

Bệnh dịch hạch	:	Sáu ngày
Bệnh thổ tả	:	Năm ngày
Bệnh đậu mùa	:	Mười bốn ngày
Bệnh sốt vàng	:	Sáu ngày
Bệnh sốt phát ban	:	Mười bốn ngày
Bệnh sốt hồi quy	:	Tám ngày

Điều 4. — Đối tượng và địa điểm kiểm dịch quy định như sau :

1 — Tất cả những phương tiện giao thông vận tải như tàu thủy, thuyền bè, máy bay, xe hỏa, ô-tô, xe ngựa các loại xe cộ khác, và những người đi bộ từ nước ngoài vào nước Việt nam hay từ trong nước Việt nam ra nước ngoài đều phải được kiểm dịch. Nếu là nhập cảnh thì kiểm dịch tại hải cảng, sân bay, hay cửa khẩu biên giới đầu tiên khi các đối tượng nói trên tiến vào nước Việt nam. Nếu là xuất cảnh thì kiểm dịch tại hải cảng, sân bay, hay cửa khẩu biên giới cuối cùng trước khi các đối tượng đó rời khỏi nước Việt nam.

2 — Đối với những tàu thủy, thuyền bè, máy bay nhập cảnh, khi tiến hành kiểm dịch tại địa điểm nói ở đoạn 1, cơ quan kiểm dịch có thể quyết định buộc các đối tượng đó mỗi khi di chuyển tới một địa điểm khác phải được kiểm dịch lại tại địa điểm mới đến, nếu đối tượng đó ở một trong những trường hợp sau đây :

— Đối tượng đó đã khởi hành từ một khu vực có dịch ở nước ngoài.

— Khi khám nghiệm thấy rằng đối tượng đó có hoặc nghi là có bệnh truyền nhiễm kiểm dịch.

— Trong hành trình trên đối tượng đó đã có người chết không rõ nguyên nhân.

3 — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay xuất cảnh khởi hành từ một khu vực có dịch ở trong nước thì phải được kiểm dịch ngay từ hải cảng, sân bay xuất phát và đến khi sắp rời khỏi nước Việt nam cơ quan kiểm dịch tại hải cảng, bến sông, sân bay cuối cùng có thể buộc đối tượng đó phải được kiểm dịch lại.

4 — Khi phát hiện thấy có những triệu chứng tỏ rằng tại một địa điểm kiểm dịch hoặc trên một phương tiện giao thông đậu lại ở đó có phát sinh hoặc nghi là có bệnh truyền nhiễm kiểm dịch, hay là có người chết đột ngột không rõ nguyên nhân thì địa điểm đó và tất cả phương tiện giao thông đậu ở đó phải lập tức được tiến hành kiểm dịch.

5 — Khi một phương tiện giao thông phải kiểm dịch thì tất cả các nhân viên, hành khách, hành lý, hàng hóa và súc vật có trên phương tiện giao thông đó cũng phải được kiểm dịch.

Điều 5. — Đối với những đối tượng kiểm dịch khám nghiệm thấy có hoặc nghi là có bệnh truyền nhiễm kiểm dịch thì cơ quan kiểm dịch có thể bắt lưu lại tại địa điểm kiểm dịch một thời gian và buộc phải thi hành những biện pháp vệ sinh cần thiết theo những điều khoản quy định ở chương 7 điều lệ này.

Điều 6. — Đối với những người khám nghiệm thấy có mắc bệnh truyền nhiễm kiểm dịch thì cơ quan kiểm dịch có thể không cho phép đi qua biên giới để ra nước ngoài. Những người nghi là mắc bệnh truyền nhiễm kiểm dịch thì phải được kiểm nghiệm tại chỗ rồi mới được phép qua biên giới ra nước ngoài. Nếu đương sự đi bằng một phương tiện vận tải công cộng thì cơ quan kiểm dịch báo cho người phụ trách phương tiện đó biết, đồng thời ghi chú rõ sự việc này vào giấy chứng nhận kiểm dịch xuất cảnh cấp cho phương tiện đó.

Điều 7. — Đối với những hàng hóa chuyên chở qua biên giới nếu khám thấy đã bị nhiễm dịch hoặc có thể truyền bệnh truyền nhiễm kiểm dịch thì cơ quan kiểm dịch có thể buộc người chịu trách nhiệm về những hàng hóa đó phải tiến hành diệt côn trùng, hay khử trùng hoặc thực hiện những biện pháp vệ sinh cần thiết khác.

Điều 8. — Muốn chở qua biên giới những xác người chết thì người chịu trách nhiệm xác đó phải xuất trình cho cơ quan kiểm dịch đủ những giấy tờ cần thiết do Bộ Y tế quy định. Chỉ khi nào cơ quan kiểm dịch xét thấy không có điều gì hại về

sinh và cấp giấy phép thì mới được chuyên chở xác chết đó qua biên giới.

Điều 9. — Cơ quan kiểm dịch có quyền thường xuyên kiểm soát vệ sinh tất cả những cơ sở, nhà cửa, kho hàng, v.v... nằm trong khu vực kiểm dịch và trên các đối tượng kiểm dịch nằm trong khu vực ấy. Khi thấy có những hiện tượng dễ mất vệ sinh tạo điều kiện cho bệnh truyền nhiễm kiểm dịch lan tràn thì cơ quan kiểm dịch có quyền đề ra cho các cơ quan hoặc người phụ trách các địa điểm và đối tượng đó phải thi hành những biện pháp vệ sinh cần thiết và hướng dẫn đôn đốc họ thi hành những biện pháp đó.

Khu vực kiểm dịch do cơ quan kiểm dịch phối hợp với cơ quan phụ trách hải cảng, sân bay hoặc cửa khẩu biên giới cùng nghiên cứu và quy định rồi báo cáo cho Bộ Y tế thông qua.

Điều 10. — Cơ quan kiểm dịch có thể cấm không cho những tàu thủy đậu ở hải cảng đổ xuống cửa bể những nước bản, phân, rác trên tàu, hoặc buộc người phụ trách tàu phải cho tiêu độc trước khi đổ xuống, nếu xét thấy những thứ đó có thể làm cho cửa bể nhơ bẩn hại đến vệ sinh chung.

Điều 11. — Trong khi làm nhiệm vụ kiểm dịch các thầy thuốc kiểm dịch phải mang theo chứng minh thư và mặc trang phục kiểm dịch có phù hiệu riêng.

Những tàu, xe của cơ quan kiểm dịch khi làm việc phải treo cờ kiểm dịch.

Kiểu mẫu và thể thức sử dụng chứng minh thư, trang phục, phù hiệu và cờ kiểm dịch do Bộ Y tế quy định.

Điều 12. — Khi cơ quan kiểm dịch tiến hành kiểm dịch cho phương tiện giao thông nào thì người phụ trách phương tiện giao thông đó phải hết sức giúp đỡ cơ quan kiểm dịch làm nhiệm vụ.

Điều 13. — Khi cơ quan kiểm dịch làm nhiệm vụ ở nơi nào thì những cơ quan có liên hệ công tác ở nơi đó như Hải quan, Công an, Giao thông Đường sắt, Cảng vụ, Hàng không dân dụng, v.v... có nhiệm vụ hợp tác và giúp đỡ phương tiện làm việc cần thiết cho cơ quan kiểm dịch.

Điều 14. — Khi bệnh truyền nhiễm kiểm dịch lan tràn mạnh ở trong nước hoặc ở nước ngoài, thì Bộ Y tế sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý có thể cho thi hành những biện pháp sau đây:

1 — Ra lệnh phong tỏa vùng có dịch, cấm ra vào biên giới qua những khu vực nhất định nào đó.

2 — Cấm không được xuất, nhập qua biên giới một số loại hàng hóa, vật phẩm nào đó trong một thời gian nhất định.

3 — Buộc phải tiến hành diệt côn trùng hay khử trùng trước khi xuất nhập qua biên giới đối với một số loại hàng hóa, vật phẩm khác.

4 — Chỉ định sân bay hạ cánh và hải cảng cập bến đầu tiên cho tất cả những máy bay hay tàu thuyền đã từ những vùng có dịch ở nước ngoài đến. Những máy bay và tàu thuyền nói trên phải hạ cánh hoặc cập bến tại sân bay hay hải cảng chỉ định đã nói trên để cơ quan kiểm dịch tiến hành kiểm dịch rồi mới được dời đi nơi khác nếu chưa được cơ quan kiểm dịch ở sân bay hoặc hải cảng chỉ định cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thì những máy bay, tàu thuyền đó không được hạ cánh hoặc cập bến tại một địa điểm khác, trừ trường hợp bất buộc vì gặp tai nạn hay vì một nguyên nhân đặc biệt không thể nào giải quyết bằng cách khác được.

Điều 15. — Khi ở một nước láng giềng sát biên giới với nước Việt nam có phát sinh bệnh dịch hạch thể phổi và có triệu chứng là bệnh đó đã truyền sang nước Việt nam thì Ủy ban Hành chính tỉnh biên giới theo đề nghị của cơ quan kiểm dịch có thể quyết định tạm thời cấm ra, vào trên các đường giao thông biên giới trong một khu vực nhất định. Ủy ban Hành chính phải báo cáo quyết định đó cho Thủ tướng phủ và Bộ Y tế biết, chậm nhất là 24 giờ sau khi ban hành quyết định đó phải được Bộ Y tế duyệt y hoặc hủy bỏ sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

Ở các khu Tự trị không có cấp tỉnh thì quyền quyết định tạm thời cấm ra vào trên các đường giao thông biên giới trong trường hợp nói ở điều này giao cho Ủy ban Hành chính khu.

Điều 16. — Việc kiểm dịch đối với các đại biểu ngoại giao của các nước ngoài như: Đại sứ, Công sứ, Lãnh sự, chính khách nước ngoài sẽ tiến hành theo một thông tư riêng của Bộ Y tế.

Những trường hợp được miễn không phải kiểm dịch sẽ do Bộ Y tế quy định.

CHƯƠNG II

THÔNG BÁO TÌNH HÌNH DỊCH

Điều 17. — Bộ Y tế cùng với các ngành có liên quan đảm nhiệm việc thông báo tình hình dịch tễ giữa nước Việt nam với các nước ngoài.

Điều 18. — Tại các hải cảng, sân bay, cửa khẩu biên giới và trên những tàu, thuyền, máy bay, xe hỏa dừng lại tại các địa điểm đó nếu phát sinh những bệnh truyền nhiễm kiểm dịch hoặc có người

chết mà không rõ nguyên nhân thì những người phụ trách các địa điểm và phương tiện giao thông nói trên có trách nhiệm phải báo cáo ngay cho cơ quan kiểm dịch biết.

Điều 19. — Các cơ quan Y tế địa phương trong lúc làm công tác phòng bệnh hay chữa bệnh nếu thấy có phát sinh hay nghi là có bệnh truyền nhiễm kiểm dịch phát sinh thì lập tức thông báo cho cơ quan kiểm dịch ở khu vực ấy biết.

Điều 20. — Khi có những triệu chứng đầu tiên về những bệnh truyền nhiễm kiểm dịch phát sinh ở biên giới thì cơ quan kiểm dịch ở địa phương ấy phải báo cáo kịp thời cho Bộ Y tế đồng thời báo cho cơ quan phòng bệnh của địa phương biết. Nếu có bệnh dịch hạch, thổ tả, đậu mùa hay sốt vàng thì phải dùng những phương tiện nhanh chóng nhất để báo cáo cho Bộ Y tế.

*CHƯƠNG III

CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Điều 21. — Cơ quan kiểm dịch được tổ chức tại các hải cảng có tàu thủy, thuyền bè của các nước ra vào; tại các sân bay có máy bay của các nước qua lại; và tại các cửa khẩu quan trọng dọc biên giới lục địa (gồm cả bến sông và các ga xe hỏa giao tiếp ở biên giới). Tại các địa điểm nói trên tùy theo nhu cầu công tác của từng nơi Bộ Y tế thành lập các phòng kiểm dịch riêng hoặc giao nhiệm vụ kiểm dịch cho các cơ quan Y tế khu, hay tỉnh kiểm nhiệm.

Điều 22. — Việc thành lập, giải tán hay sát nhập những cơ quan kiểm dịch của nước Việt nam đều do Bộ Y tế quyết định sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý.

Điều 23. — Các cơ quan kiểm dịch có những nhiệm vụ sau đây:

1 — Báo cáo với cấp trên về tình hình phát sinh, tiến triển của các bệnh truyền nhiễm kiểm dịch và sự đối phó với những bệnh đó ở khu vực kiểm dịch.

2 — Tiến hành kiểm tra và xử lý vệ sinh cho những tàu thủy, thuyền bè, máy bay, xe hỏa, xe cộ, hành lý, hàng hóa cần phải kiểm dịch.

3 — Tiến hành khám nghiệm và xử lý vệ sinh cho những nhân viên giao thông hành khách cần phải kiểm dịch.

4 — Tiến hành kiểm nghiệm những côn trùng có thể truyền nhiễm bệnh dịch và những loại động vật gặm nhấm ở những hải cảng, sân bay, cửa khẩu và trên những tàu bè, máy bay, xe cộ cần phải kiểm dịch.

5 — Khám nghiệm và xử lý vệ sinh những trường hợp có người chết mà chưa tìm ra nguyên nhân hoặc có người chết vì bệnh dịch hay nghi là vì bệnh dịch ở những hải cảng, sân bay, cửa khẩu biên giới và trên những tàu thủy, thuyền bè, máy bay, xe hỏa, xe cộ dừng lại ở những địa điểm ấy.

6 — Giám sát vệ sinh nước uống của các hải cảng, sân bay, cửa khẩu biên giới.

7 — Hướng dẫn và đôn đốc những người phụ trách hải cảng, sân bay, ga xe hỏa, cửa khẩu biên giới thực hiện những biện pháp phòng bệnh như trừ những loại sâu bọ, côn trùng, những loại động vật gặm nhấm và thực hiện vệ sinh nước uống và những biện pháp vệ sinh thường xuyên khác cho hải cảng, sân bay, ga xe hỏa, cửa khẩu và những tàu thuyền, máy bay, xe hỏa dừng lại ở những địa điểm ấy.

8 — Kiểm tra và cấp phát những giấy tờ kiểm dịch đã được Bộ Y tế quy định.

9 — Quản lý việc chuyển qua biên giới những quan tài có xác chết.

Điều 24. — Bộ Y tế quy định chi tiết về tổ chức, biên chế, lễ lối làm việc và quan hệ lãnh đạo của các cơ quan kiểm dịch.

CHƯƠNG IV

KIỂM DỊCH HẢI PHẬN

Điều 25. — Tất cả những tàu, thuyền từ nước ngoài đến trước khi vào hải cảng phải được kiểm dịch nhập cảnh ngay ở vùng cấm neo.

Vùng cấm neo do cơ quan kiểm dịch phối hợp với cơ quan cảng vụ nghiên cứu và ấn định rồi báo cáo cho Bộ Y tế và Bộ Giao thông và Bưu điện thông qua.

Điều 26. — Những tàu, thuyền muốn vào một hải cảng nào của nước Việt nam thì ít nhất là 24 giờ trước lúc tàu đến vùng cấm neo, thuyền trưởng phải dùng điện tín báo cáo với công ty đại lý tàu biển để kịp thời báo lại cho cơ quan kiểm dịch về những điểm sau đây:

1) Tên tàu thuyền, quốc tịch, ngày giờ tàu thuyền sẽ đến vùng cấm neo.

2) Tên cảng xuất phát và cảng cuối cùng mà tàu thuyền đã ghé lại trước khi đến Việt nam.

3) Tổng số thuyền viên và hành khách trên tàu.

4) Tình hình đau ốm và số thầy thuốc trên tàu.

Điều 27. — Tín hiệu kiểm dịch ấn định cho tàu, thuyền như sau:

— Nếu là ban ngày thì tàu thuyền phải treo tín hiệu bằng cờ:

1) Cờ chữ « Q » báo hiệu tàu thuyền không có dịch và yêu cầu được kiểm dịch nhập cảnh.

2) Cờ chữ « QQ » báo hiệu tàu thuyền có hiện tượng nghi là có bệnh dịch, tức là trước đây năm ngày có bệnh dịch phát sinh hoặc trên tàu có chuột chết một cách khác thường.

3) Cờ chữ « QL » báo hiệu tàu có bệnh dịch tức là trong năm ngày vừa qua có bệnh dịch phát sinh ở trên tàu.

— Nếu là ban đêm thì tàu thuyền phải treo tín hiệu bằng hai chiếc đèn: một đèn đỏ ở trên, một đèn trắng ở dưới cách nhau hai mét ở cột buồm đằng trước báo hiệu tàu, thuyền chưa có giấy chứng nhận kiểm dịch nhập cảnh.

Điều 28. — Những tàu, thuyền cần được kiểm dịch nhập cảnh phải treo tín hiệu kiểm dịch như đã quy định ở điều 27 và phải đợi khám nghiệm ở vùng cấm neo. Khi chưa được cơ quan kiểm dịch cấp giấy chứng nhận kiểm dịch nhập cảnh thì không được hạ tín hiệu kiểm dịch xuống.

Điều 29. — Suốt trong thời gian tàu, thuyền còn phải treo tín hiệu kiểm dịch thì trừ người hoa tiêu và những nhân viên có nhiệm vụ công tác đã được cơ quan kiểm dịch cho phép, không ai được lên tàu thuyền hoặc bốc dỡ hàng hóa trên tàu thuyền. Những thuyền viên và hành khách không được rời khỏi tàu, thuyền này, giao dịch với các tàu thuyền khác trừ trường hợp gặp tai nạn.

Những tàu, thuyền được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch nhập cảnh có ghi những biện pháp vệ sinh mà cơ quan kiểm dịch đã ấn định thì tuy đã hạ tín hiệu kiểm dịch nhưng vẫn phải thi hành đầy đủ những biện pháp đó.

Điều 30. — Khi cơ quan kiểm dịch lên tàu, thuyền để kiểm dịch, người thuyền trưởng phải trình giấy chứng nhận y tế hàng hải, danh sách thuyền viên và hành khách trên tàu, nhật ký hàng hải của tàu, giấy chứng nhận tàu đã được diệt chuột, bảng kê hàng hóa và những giấy tờ cần thiết liên quan đến kiểm dịch theo yêu cầu của thầy thuốc lên kiểm dịch.

Khi cơ quan kiểm dịch cần tìm hiểu tình hình vệ sinh trong hành trình của tàu, thuyền thì thuyền trưởng và thầy thuốc trên tàu phải báo cáo rõ ràng. Nếu báo cáo bằng giấy tờ thì phải do thuyền trưởng và thầy thuốc cùng làm và cùng chịu trách nhiệm.

Điều 31. — Sau khi đã tiến hành kiểm dịch nhập cảnh cơ quan kiểm dịch cấp giấy chứng nhận kiểm dịch nhập cảnh cho những tàu, thuyền không có hoặc không nghi là có bệnh truyền nhiễm kiểm dịch. Giấy chứng nhận kiểm dịch ghi rõ những biện pháp vệ sinh cần thiết do cơ quan kiểm dịch ấn định cho tàu thuyền phải thi hành.

Đối với những tàu, thuyền có bệnh truyền nhiễm kiểm dịch hoặc nghi là có bệnh truyền nhiễm kiểm dịch thì cơ quan kiểm dịch báo cho tàu thuyền phải tiến hành xử lý vệ sinh đồng thời báo cho cơ quan cảng vụ biết. Khi nào tàu, thuyền đã chấp hành đầy đủ những biện pháp vệ sinh đã ấn định thì cơ quan kiểm dịch mới cấp giấy chứng nhận kiểm dịch.

Điều 32. — Bình thường cơ quan kiểm dịch chỉ tiến hành kiểm dịch nhập cảnh cho tàu, thuyền từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn. Trường hợp đặc biệt tàu thuyền đang có bệnh dịch hay là cần được cấp cứu ngay về mặt y tế, hoặc tàu thuyền bị hư hỏng cần được sửa chữa gấp thì có thể được cơ quan kiểm dịch tiến hành kiểm dịch bất cứ lúc nào. Nếu là ban đêm thì trên tàu thuyền phải có đầy đủ ánh sáng.

Điều 33. — Những tàu, thuyền ngoại quốc vì lý do bị hư hỏng hoặc một lý do hàng hải nào khác bắt buộc phải đậu vào một hải cảng hay là một bờ biển không có cơ quan kiểm dịch thì thuyền trưởng phải dùng điện tín báo ngay với cơ quan y tế ở địa phương hay cơ quan kiểm dịch của hải cảng gần nhất.

Khi chưa được cơ quan y tế địa phương hoặc cơ quan kiểm dịch của hải cảng gần nhất đến kiểm dịch và cho phép thì tất cả nhân viên, hành khách trên tàu, thuyền không được lên bờ giao dịch với bên ngoài trừ trường hợp tàu, thuyền gặp tai nạn thật nguy hiểm.

Điều 34. — Hai mươi bốn giờ trước giờ khởi hành những tàu, thuyền cần được kiểm dịch xuất cảnh đều phải thông qua công ty đại lý tàu biển để báo lại cho cơ quan kiểm dịch những điểm sau đây:

- 1) Tên tàu thuyền, quốc tịch, tên công ty đại lý hoặc người đại lý.
- 2) Ngày giờ định khởi hành.
- 3) Tên hải cảng cuối cùng mà tàu, thuyền sẽ đến.
- 4) Tổng số nhân viên và hành khách trên tàu, thuyền.

Điều 35. — Trong khi tiến hành kiểm dịch xuất cảnh cho tàu, thuyền cơ quan kiểm dịch có thể kiểm soát những giấy chứng nhận trừ chuột và những giấy tờ cần thiết khác. Ngoài ra thuyền trưởng phải làm một giấy khai sức khỏe theo mẫu của cơ quan kiểm dịch giao cho.

Điều 36. — Sau khi đã tiến hành kiểm dịch xuất cảnh cho tàu, thuyền cơ quan kiểm dịch sẽ tùy theo kết quả mà cấp ngay giấy chứng nhận kiểm dịch xuất cảnh hoặc bắt tàu thuyền phải thực hiện xong những biện pháp vệ sinh cần thiết rồi mới cấp. Nếu vì trường hợp cần tiến hành xử lý vệ

sinh nên tàu, thuyền không thể nhỏ neo đúng giờ đã định thì cần báo cho cơ quan cảng vụ biết.

Điều 37. — Những tàu, thuyền đã được kiểm dịch xuất cảnh nếu không khởi hành trong thời gian hai mươi bốn giờ kể từ khi được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch xuất cảnh thì phải chờ kiểm dịch lại. Giấy chứng nhận cấp trước không có giá trị nữa.

Điều 38. — Trừ trường hợp ghi ở điều 39, những tàu, thuyền ngoại quốc đến hải cảng Việt-nam mà không thi hành những biện pháp vệ sinh do cơ quan kiểm dịch ấn định thì phải treo tín hiệu kiểm dịch và đi ra khơi ngay, không được đỗ lại ở một hải cảng hay ở bất cứ một nơi nào khác thuộc bờ biển của nước Việt-nam.

Tuy nhiên những tàu, thuyền ấy vẫn có thể được cơ quan kiểm dịch cho phép bốc hàng, cho hành khách lên bờ, nhận tiếp tế nhiên liệu, nước, thực phẩm nếu tàu chịu đậu riêng ở một bến cách ly và thi hành những biện pháp vệ sinh do cơ quan kiểm dịch đề ra đối với những hàng hóa bốc dỡ và những hành khách dời tàu lên bờ.

Khi có những trường hợp này cơ quan kiểm dịch cần báo cho cơ quan cảng vụ biết.

Điều 39. — Những tàu, thuyền ngoại quốc khi đến hải cảng Việt-nam nếu cơ quan kiểm dịch đã khám nghiệm và xác định là trên tàu có bệnh sốt vàng hoặc thấy có muỗi *Aedes Aegypti* (*Stégomya fasciata*) thì bắt buộc phải dừng lại và thi hành những biện pháp vệ sinh đã quy định trong điều lệ này nếu chưa thi hành xong thì không được dời đi nơi khác.

CHƯƠNG V

KIỂM DỊCH KHÔNG PHẬN

Điều 40. — Khi đang bay trên lãnh thổ nước Việt-nam máy bay không được ném xuống hoặc để rơi khỏi máy bay bất cứ một vật gì có thể gieo rắc những bệnh truyền nhiễm.

Điều 41. — Những máy bay muốn hạ cánh xuống một sân bay Việt-nam thì phải báo trước cho trạm Hàng Không của sân bay để báo lại cho cơ quan kiểm dịch biết những điểm sau đây :

- 1) Số hiệu chiếc máy bay
- 2) Giờ máy bay hạ cánh
- 3) Tên sân bay khởi hành
- 4) Tình hình bệnh tật trên máy bay.

Điều 42. — Đối với những máy bay cần phải được tiến hành kiểm dịch nhập cảnh mà chưa

được cơ quan kiểm dịch cấp giấy chứng nhận kiểm dịch nhập cảnh thì không một ai được lên xuống hay bốc dỡ hàng hóa trừ những người đã được cơ quan kiểm dịch cho phép.

Điều 43. — Sau khi đã tiến hành kiểm dịch cho máy bay cơ quan kiểm dịch cấp giấy chứng nhận kiểm dịch nhập cảnh cho những máy bay không có và không nghi là có bệnh truyền nhiễm kiểm dịch. Giấy chứng nhận ghi rõ những biện pháp vệ sinh mà cơ quan kiểm dịch ấn định cho máy bay phải thi hành.

Những máy bay có bệnh hoặc nghi là có bệnh truyền nhiễm kiểm dịch thì phải thi hành xong những biện pháp vệ sinh cần thiết do cơ quan kiểm dịch ấn định mới được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch nhập cảnh. Trong trường hợp này cơ quan kiểm dịch cần báo ngay cho trạm hàng không biết.

Điều 44. — Những máy bay từ nước ngoài đến nếu vì gặp biến cố bắt buộc phải hạ cánh ở những nơi không phải là sân bay thì người phụ trách máy bay hoặc một nhân viên khác phải báo cáo ngay với cơ quan kiểm dịch hay cơ quan y tế của địa phương nơi gần nhất.

Khi chưa được cơ quan kiểm dịch hay cơ quan y tế địa phương đến kiểm dịch và cho phép thì tất cả nhân viên, hành khách và hàng hóa trên máy bay không được di chuyển đi nơi khác.

Trường hợp khẩn cấp không thể chờ đợi lâu và cần phải giải quyết ngay để đảm bảo sự an toàn cho hành khách và nhân viên thì người phụ trách máy bay có thể được phép tạm thời cho họ di chuyển đi nơi khác.

Điều 45. — Mỗi khi có máy bay sắp cất cánh đi ra nước ngoài, cần được kiểm dịch xuất cảnh thì trạm hàng không của sân bay phải báo cho cơ quan kiểm dịch biết trước những điểm sau đây :

- 1) Số hiệu chiếc máy bay
- 2) Giờ máy bay khởi hành
- 3) Tên sân bay cuối cùng máy bay sẽ đến.

Điều 46. — Sau khi đã tiến hành kiểm dịch xuất cảnh cho máy bay cơ quan kiểm dịch sẽ tùy theo kết quả mà cấp ngay giấy chứng nhận kiểm dịch xuất cảnh hoặc bắt phải thi hành xong những biện pháp vệ sinh rồi mới cấp. Nếu vì cần tiến hành xử lý vệ sinh nên máy bay không cất cánh được đúng giờ đã định thì cơ quan kiểm dịch báo cho trạm Hàng không của sân bay biết.

Điều 47. — Cơ quan kiểm dịch tại các sân bay phải tiến hành nhanh chóng mọi công việc của mình để khởi làm tri hoãn hành trình của máy bay.

Điều 48. — Trừ trường hợp ghi ở điều 49, tất cả những máy bay ngoại quốc đến sân bay Việt-nam nếu không thi hành những biện pháp vệ sinh do cơ quan kiểm dịch ấn định thì phải bay khỏi biên giới và không được hạ cánh ở bất cứ một địa điểm nào trên lãnh thổ nước Việt-nam. Trường hợp cần thiết những máy bay này có thể được cơ quan kiểm dịch cho phép nhận tiếp tế nước, thực phẩm, v.v... nhưng bắt buộc phải đậu riêng ở sân bay cách ly. Gặp trường hợp nói trên cơ quan kiểm dịch cần báo cho trạm hàng không ở sân bay biết.

Điều 49. — Những máy bay đến sân bay Việt-nam mà cơ quan kiểm dịch đã khám nghiệm và xác định rằng máy bay có bị nhiễm dịch sốt vàng thì bắt buộc phải thi hành những biện pháp vệ sinh đã quy định trong điều lệ này. Nếu chưa thi hành xong những biện pháp vệ sinh đó thì không được dời đi nơi khác.

CHƯƠNG VI

KIỂM DỊCH BIÊN GIỚI LỤC ĐỊA

Điều 50. — Những xe hỏa đã đi qua những khu vực có dịch nhưng không dừng lại ở những nơi ấy thì không coi là xe hỏa ở vùng có dịch đi đến.

Điều 51. — Mỗi khi có xe hỏa từ nước ngoài sắp đến, cần phải kiểm dịch nhập khẩu, thì trưởng ga biên giới phải báo cho cơ quan kiểm dịch biết trước những điểm sau đây :

- 1) Số hiệu chuyến xe hỏa
- 2) Giờ xe hỏa đến ga
- 3) Tên ga khởi hành đầu tiên của xe hỏa.

Điều 52. — Mỗi khi có xe hỏa cần phải kiểm dịch xuất cảnh thì trưởng ga biên giới phải báo cho cơ quan kiểm dịch biết trước những điểm sau đây :

- 1) Số hiệu chuyến xe hỏa
- 2) Giờ xe hỏa khởi hành
- 3) Tên ga cuối cùng xe hỏa sẽ đến.

Điều 53. — Cơ quan kiểm dịch có thể hỏi người phụ trách và thầy thuốc của chuyến xe hỏa nhập cảnh hay xuất cảnh về tình hình vệ sinh của xe hỏa trong hành trình vừa qua. Người phụ trách và thầy thuốc của xe hỏa phải trả lời đúng sự thật những câu hỏi đó.

Điều 54. — Khi một chuyến xe hỏa từ vùng có dịch ở nước ngoài đến mà chưa được cơ quan kiểm dịch cấp giấy chứng nhận kiểm dịch nhập

cảnh thì không ai được lên xuống xe hỏa hoặc bốc dỡ hàng hóa, trừ những nhân viên mà cơ quan kiểm dịch đã cho phép đi lại để làm nhiệm vụ.

Điều 55. — Sau khi đã tiến hành kiểm dịch nhập cảnh hay xuất cảnh cho xe hỏa, cơ quan kiểm dịch sẽ tùy theo kết quả khám nghiệm mà cấp ngay giấy chứng nhận kiểm dịch nhập cảnh hay xuất cảnh, hoặc bắt xe hỏa phải thi hành xong những biện pháp vệ sinh cần thiết rồi mới cấp.

Điều 56. — Trong khi tiến hành kiểm dịch nhập cảnh hay xuất cảnh cho xe hỏa, nếu khám nghiệm thấy có người mắc bệnh truyền nhiễm kiểm dịch hoặc cần tiến hành xử lý vệ sinh cho xe hỏa nên không thể để xe hỏa khởi hành đứng giờ đã quy định thì cơ quan kiểm dịch phải báo cho trưởng ga biết. Nếu việc xử lý vệ sinh cho xe hỏa ngay chỗ xe hỏa đỗ không được thuận tiện thì người trưởng ga phải chọn một địa điểm khác thích hợp cho xe hỏa chuyển đến đó để cơ quan kiểm dịch tiến hành xử lý vệ sinh cho xe hỏa.

Điều 57. — Trình tự khám nghiệm cũng như những thủ tục chi tiết cần tiến hành trong việc kiểm dịch đối với người đi bộ và những loại xe cộ khác như ô-tô, xe ngựa, tàu thủy, thuyền bè v.v... qua lại biên giới theo đường bộ và đường sông hồ sẽ do cơ quan kiểm dịch ở từng nơi căn cứ vào tình hình địa phương mà đề ra những quy định chi tiết.

CHƯƠNG VII

NHỮNG BIỆN PHÁP VỆ SINH VÀ NGUYÊN TẮC XỬ LÝ

Điều 58. — Cơ quan kiểm dịch có thể miễn việc thi hành những biện pháp vệ sinh quy định cho những tàu biển, thuyền bè, máy bay xe hỏa hoặc một phương tiện giao thông khác đi từ một vùng có dịch ở nước ngoài vào nước Việt nam nếu những phương tiện giao thông ấy đã có đầy đủ ba điều kiện sau đây :

1) Tàu thủy, thuyền bè, máy bay, xe hỏa hoặc những phương tiện giao thông nào đó trước khi đến Việt-nam đã thực hiện đầy đủ những biện pháp vệ sinh cần thiết ở một hải cảng, bến sông, sân bay hay ga xe hỏa của nước ngoài.

2) Những biện pháp vệ sinh đó được cơ quan kiểm dịch Việt-nam xác nhận là đã thu được kết quả tốt.

3) Những phương tiện giao thông nói trên từ khi thi hành xong những biện pháp vệ sinh ấy

không phát sinh một bệnh truyền nhiễm kiểm dịch nào và cũng không dừng lại ở một nơi nào có dịch.

Điều 59. — Sau khi tiến hành kiểm dịch nếu thấy có những người mắc bệnh hoặc nghi là mắc bệnh truyền nhiễm kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch phải cho những người này đến ở riêng trong những phòng cách ly của bệnh viện để theo dõi và tiến hành chữa bệnh cho họ.

Điều 60. — Những người phải lưu nghiệm thì phải đến ở trong những phòng lưu nghiệm riêng do cơ quan kiểm dịch ấn định; trường hợp sau đây có thể để cho lưu nghiệm trên tàu nếu cơ quan kiểm dịch đồng ý:

1) Thuyền trưởng yêu cầu cho nhân viên của họ được lưu nghiệm trên tàu.

2) Người mắc bệnh yêu cầu và được sự thỏa thuận của thuyền trưởng.

Nhưng cả hai trường hợp chỉ được lưu nghiệm trên tàu khi trên tàu có thầy thuốc riêng và đủ phương tiện để tẩy uế.

Điều 61. — Khi phát hiện thấy có bệnh truyền nhiễm kiểm dịch trong số người lưu nghiệm thì cơ quan kiểm dịch phải cách ly những người mắc bệnh này ra khỏi khu vực lưu nghiệm. Đối với những người cùng lưu nghiệm đã tiếp xúc với những người mắc bệnh thì phải tiến hành xử lý vệ sinh cho họ và thời gian lưu nghiệm sẽ kể lại từ ngày bắt đầu xử lý vệ sinh.

Điều 62. — Những người không phải cách ly hoặc lưu nghiệm nhưng phải theo dõi bệnh thì được tự do đi lại. Nhưng định đến nơi nào thì trước khi đi họ phải khai với cơ quan kiểm dịch về những điểm sau đây:

— Nơi họ sẽ đi đến, ngày đến và thời gian lưu trú ở đó.

Cơ quan kiểm dịch cấp cho họ một sổ theo dõi bệnh ghi rõ những kỳ hạn họ phải được khám bệnh lại, cơ quan được giao nhiệm vụ khám bệnh và theo dõi. Tùy từng nơi việc khám bệnh và theo dõi những người này có thể giao cho một phòng kiểm dịch hoặc một cơ quan y tế tỉnh nơi đương sự sẽ đến; đồng thời với việc cấp sổ cơ quan kiểm dịch phải báo bằng điện tín cho cơ quan được giao nhiệm vụ khám bệnh và theo dõi biết: họ, tên người phải theo dõi bệnh, địa điểm họ khởi hành, địa điểm họ sẽ đến, bệnh phải theo dõi, ngày bắt đầu theo dõi, thời gian theo dõi.

Điều 63. — Khi về đến địa phương những người phải theo dõi bệnh phải theo đúng những kỳ hạn ghi trong sổ mà đến những cơ quan đã ấn định để được khám bệnh lại. Hết hạn theo dõi

bệnh những người đó phải đưa trả lại sổ cho cơ quan đã theo dõi bệnh để chuyển cho cơ quan cấp sổ.

Điều 64. — Cơ quan được giao nhiệm vụ khám bệnh và theo dõi phải theo đúng những điều ghi trong diện báo trước và sổ theo dõi mà khám bệnh và theo dõi sức khỏe cho đương sự. Việc khám nghiệm những trường hợp này phải được coi là khám bệnh khẩn cấp, phải ưu tiên khám trước và được miễn phí. Kết quả khám nghiệm phải ghi rõ ràng vào sổ theo dõi. Nếu thấy cần thiết thì cơ quan khám nghiệm phải cho thi hành kịp thời những biện pháp vệ sinh cần thiết cho đương sự. Trường hợp khám thấy đương sự mắc bệnh hay nghi là mắc bệnh truyền nhiễm kiểm dịch thì cơ quan khám nghiệm phải ưu tiên chữa bệnh cho họ và tiến hành những biện pháp vệ sinh cần thiết. Đồng thời cơ quan nói trên phải báo ngay cho cơ quan cấp sổ biết rõ tình hình bệnh của đương sự.

Điều 65. — Những chuyến vận chuyển qua biên giới Việt-nam để đến thẳng một nước khác không thay đổi hàng hóa, hành khách trên nội địa Việt-nam thì không phải tiến hành xử lý vệ sinh trừ trường hợp có những hiện tượng rõ ràng chứng tỏ là chuyến vận chuyển đó có thể gieo rắc những bệnh truyền nhiễm.

Điều 66. — Những bưu kiện, báo chí, sách vở và những vật phẩm ấn loát khác được gửi bằng bưu điện thì không phải xử lý vệ sinh, trừ trường hợp trong bao bưu kiện có một trong những loại sau đây:

1) Có những hàng cần phải diệt côn trùng, khử trùng theo quy định của điều 14 điều lệ này.

2) Có những thực phẩm như hoa quả, rau cỏ, thịt, cá, thức uống chở từ khu vực có dịch đến mà cơ quan kiểm dịch thấy cần phải khử trùng.

3) Có những vật phẩm khác mà Bộ Y tế quy định phải khử trùng trong một thời kỳ đặc biệt nào đó.

Điều 67. — Cứ sáu tháng một lần các tàu thuyền hàng hải quốc tế phải được cơ quan kiểm dịch khám xét về tình hình chuột trên tàu. Căn cứ vào kết quả khám xét, cơ quan kiểm dịch quyết định tàu, thuyền phải tiến hành diệt chuột hoặc được miễn không phải diệt chuột.

Điều 68. — Những tàu, thuyền chỉ đi lại ở ven bờ và trên các sông hồ ở biên giới thì sáu tháng một lần phải được cơ quan kiểm dịch hay cơ quan phòng bệnh của địa phương (nếu ở đấy không có cơ quan kiểm dịch) khám xét về tình hình chuột trên tàu và quyết định tàu phải tiến hành diệt chuột hay được miễn không phải diệt chuột.

Điều 69. — Sau khi đã tiến hành diệt chuột cho các tàu thuyền hay đã quyết định miễn diệt chuột cho tàu thuyền thì cơ quan kiểm dịch hoặc cơ quan y tế địa phương cấp cho tàu thuyền một giấy chứng nhận diệt chuột hoặc miễn diệt chuột. Giấy này có giá trị sáu tháng kể từ ngày cấp.

Điều 70. — Việc khám xét tình hình chuột và việc diệt chuột cho tàu, thuyền phải tiến hành trong lúc tàu, thuyền không có hàng hóa. Nếu vì lý do không thuận tiện cho việc khám xét và tiến hành diệt chuột mà tàu, thuyền lại sắp đi đến một địa điểm có đủ phương tiện để khám xét và diệt chuột thì cơ quan kiểm dịch có thể gia hạn trừ chuột thêm một tháng nữa. Quyết định này ghi vào giấy chứng nhận diệt chuột cũ của tàu thuyền.

Điều 71. — Sau khi đã khám xét tình hình chuột trong những điều kiện thuận tiện nhất (nghĩa là trong lúc khoang tàu trống rỗng không có hàng hóa và vật dãn tàu hoặc có ít và không làm cản trở đến việc khám xét) nếu thấy số chuột trên tàu, thuyền có rất ít, tác hại không đáng kể, thì cơ quan kiểm dịch có thể cấp giấy chứng nhận miễn diệt chuột cho tàu, thuyền. Những chuyến tàu mà trong các khoang tàu đang chở đầy dầu thì có thể được cấp giấy chứng nhận miễn diệt chuột.

Điều 72. — Đối với những tàu biển đậu ở cảng cơ quan kiểm dịch có thể báo cho thuyền trưởng phải thực hiện những điều sau đây :

1) Tất cả những giây dừng để buộc tàu vào bờ đều phải có lá chắn ngăn chuột bằng sắt đường kính không dưới 70 phân mét.

2) Chỉ khi nào cần thiết tàu mới được thả cầu thang. Ban đêm nếu thả cầu thang để làm việc thì phải dùng đèn để chiếu sáng chỗ cầu thang.

3) Nếu phát hiện có chuột chết hay bắt được chuột thì phải báo cho cơ quan kiểm dịch biết để tiến hành kiểm nghiệm.

Điều 73. — Các loại thuốc tiêm chủng để phòng bệnh truyền nhiễm kiểm dịch có hiệu lực miễn dịch trong những thời gian ấn định như sau :

1) *Thuốc tiêm trừ bệnh thổ tả* : có hiệu lực trong sáu tháng kể từ ngày thứ sáu sau khi tiêm và kể từ ngày thứ nhất nếu là trường hợp tiêm lại trong thời gian lần tiêm trước còn hiệu lực.

2) *Thuốc chủng đậu* : có hiệu lực trong ba năm kể từ ngày thứ sáu sau khi chủng lần đầu có kết quả và kể từ ngày thứ nhất nếu là tái chủng.

3) *Thuốc tiêm trừ bệnh sốt vàng* : có hiệu lực trong sáu năm kể từ ngày thứ mười sau khi tiêm và kể từ ngày thứ nhất nếu là trường hợp tiêm lại trong thời gian lần tiêm trước còn hiệu lực.

Điều 74. — Khi xét cần Bộ Y tế có thể quy định tất cả những người đi từ nước ngoài vào nước

Việt-nam bất cứ bằng phương tiện giao thông nào đều phải xuất trình giấy chứng nhận đã tiêm trừ bệnh thổ tả hay bệnh đậu mùa hoặc cùng một lúc cả hai loại giấy này.

Trường hợp Bộ quy định phải xuất trình giấy chứng nhận đã tiêm trừ bệnh thổ tả thì những người nào không có giấy hoặc có giấy nhưng không hợp lệ đều có thể phải lưu nghiệm hay theo dõi bệnh trong năm ngày kể từ ngày rời khỏi nơi có dịch.

Trường hợp Bộ quy định phải xuất trình giấy chứng nhận đã chủng đậu thì những người nào không có hoặc có giấy nhưng không hợp lệ đều phải chủng đậu ngay tại chỗ. Nếu đương sự không chịu để cho chủng đậu thì đương sự phải được theo dõi trong mười bốn ngày kể từ ngày rời bến cuối cùng trước khi vào Việt-nam nếu là đi theo đường thủy, hoặc kể từ ngày đến biên giới nếu là đi theo đường bộ.

Những người còn có những dấu vết chứng tỏ trước kia đã mắc bệnh đậu mùa thì có thể được miễn không phải trình giấy chứng nhận chủng đậu.

Điều 75. — Khi có bệnh thổ tả hay bệnh đậu mùa lan tràn ở vùng hải cảng, sân bay hay ga xe hỏa, bến sông, cửa khẩu dọc biên giới lục địa Việt-nam, nếu có những người ở ngoại quốc đến mà họ yêu cầu được tiêm, chủng thì cơ quan kiểm dịch phải tiêm, chủng cho họ và không lấy tiền.

Cũng trong những điều kiện nói ở đoạn trên, những hành khách và nhân viên giao thông Việt-nam đi ra nước ngoài trở về nếu không có giấy chứng nhận tiêm phòng hợp lệ về đậu mùa hoặc thổ tả thì phải tiêm hay chủng lại.

Điều 76. — Trong khi tiến hành những công tác diệt trùng, tiêu độc hay diệt chuột cho những tàu thủy, thuyền bè, máy bay, xe cộ v.v... nhân viên kiểm dịch phải chú ý hết sức giữ gìn :

1) Không làm tổn thương đến sức khỏe của người hay làm hại súc vật ở trên tàu thủy, thuyền bè, máy bay hoặc xe cộ.

2) Không làm hại các bộ phận máy móc và những kiến trúc của tàu thủy, thuyền bè, máy bay hay các loại xe cộ khác.

3) Không gây ra hỏa hoạn.

4) Không làm hư hỏng hàng hóa.

CHƯƠNG VIII

XỬ LÝ NHỮNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM KIỂM DỊCH

1. BỆNH DỊCH HẠCH

Điều 77. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay nhập cảnh trên đó đã xảy ra một trong những

hiện tượng sau đây thì liệt vào hạng có bệnh dịch hạch :

- 1) Có người đang mắc bệnh dịch hạch.
- 2) Có những loài gặm nhấm mắc bệnh dịch hạch.
- 3) Đã có người phát bệnh dịch hạch sau khi họ lên tàu một thời gian đã qua sáu ngày.

Điều 78. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay nhập cảnh trên đó đã xảy ra một trong những hiện tượng sau đây thì liệt vào hạng nghi có bệnh dịch hạch :

- 1) Đã có người phát bệnh dịch hạch sau khi họ lên tàu một thời gian chưa quá sáu ngày.
- 2) Có những loài gặm nhấm chết bất thường mà không rõ nguyên nhân.

Điều 79. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay nhập cảnh đã được cơ quan kiểm dịch khám xét thấy không có những hiện tượng đã ghi trong điều 77 và 78 thì được liệt vào hạng không có và không nghi là có bệnh dịch hạch.

Điều 80. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay có bệnh dịch hạch thì phải thi hành những biện pháp vệ sinh sau đây :

- 1) Cách ly những người mắc bệnh.
- 2) Diệt côn trùng cho những người nghi là có bệnh và theo dõi bệnh trong sáu ngày kể từ ngày đến Việt-nam.
- 3) Đối với những người mà cơ quan kiểm dịch cho là có mang theo mầm bệnh thì lưu nghiệm trong sáu ngày. Trong thời gian sáu ngày nói trên, những người còn ở lại trên tàu thủy, thuyền bè không ai được lên bờ trừ những nhân viên làm công tác nghiệp vụ cần thiết đã được cơ quan kiểm dịch đồng ý.

4) Đối với tất cả hành lý, đồ dùng, chăn, màn, giường, chiếu chỗ ở của người mắc bệnh hay nghi là mắc bệnh và những bộ phận của tàu thủy, thuyền bè mà cơ quan kiểm dịch cho là đã bị nhiễm dịch thì phải diệt côn trùng và nếu cần thì khử trùng.

5) Trừ chuột trên tất cả chiếc tàu thủy thuyền bè hoặc máy bay.

Nếu việc trừ chuột không thể tiến hành trên tất cả chiếc tàu thủy, thuyền bè được, vì chỉ bốc một bộ phận hàng hóa lên bờ thôi, thì vẫn cho phép bốc phần hàng đó nhưng phải thi hành mọi biện pháp cần thiết do cơ quan kiểm dịch đề ra để ngăn ngừa không cho chuột lên bờ. Nếu cần có thể bắt tàu, thuyền phải bốc hàng ngay ở ngoài khơi.

6) Tiến hành việc bốc hàng dưới sự giám sát của cơ quan kiểm dịch. Những công nhân, nhân

viên tham gia bốc hàng phải được cơ quan kiểm dịch theo dõi bệnh hay lưu nghiệm trong sáu ngày kể từ ngày bốc hàng xong.

Điều 81. — Những tàu thủy thuyền bè máy bay nghi là có bệnh dịch hạch thì phải thi hành những biện pháp vệ sinh quy định ở điều 80 từ điểm 2 đến điểm 6.

Điều 82. — đối với những tàu thủy, thuyền bè' máy bay không phát dịch hạch nhưng đã đi từ vùng có dịch hạch đến, thì cơ quan kiểm dịch nếu xét cần có thể bắt phải thi hành những biện pháp vệ sinh sau đây :

1) Đối với những người nghi là mắc bệnh mà muốn rời khỏi tàu thủy, thuyền bè hoặc máy bay thì cơ quan kiểm dịch có thể bắt phải lưu nghiệm hay theo dõi bệnh trong sáu ngày kể từ ngày tàu thủy, thuyền bè, máy bay rời khỏi nơi có dịch. Trong thời gian này những người còn ở lại tàu thủy, thuyền bè không ai được lên bờ, trừ những nhân viên làm công tác nghiệp vụ cần thiết được cơ quan kiểm dịch cho phép đi lại.

2) Trường hợp cần thiết, tiến hành diệt chuột cho tàu thủy, thuyền bè hoặc máy bay.

Điều 83. — Những xe hỏa, xe cộ nhập cảnh nếu có người bị bệnh dịch hạch thì phải thi hành những biện pháp vệ sinh sau đây :

1) Xử lý vệ sinh theo những biện pháp nói ở các điểm 1, 4 và 6 trong điều 80 điều lệ này.

2) Diệt côn trùng cho những người nghi là có bệnh, đồng thời theo dõi bệnh hoặc lưu nghiệm sáu ngày kể từ ngày họ đến biên giới.

3) Nếu cần thì diệt chuột cho xe hỏa, xe cộ.

2. BỆNH THỔ TẢ

Điều 84. — Những tàu thủy, thuyền bè khi cập bến có mang theo người bị bệnh thổ tả, hoặc trong năm ngày trước khi cập bến đã có phát sinh bệnh thổ tả thì đều liệt vào hạng có dịch thổ tả.

Những tàu thủy, thuyền bè đã có phát sinh bệnh thổ tả trong hành trình, nhưng trong năm ngày trước khi cập bến bệnh không phát sinh ra nữa thì liệt vào hạng nghi có dịch thổ tả.

Điều 85. — Những máy bay khi hạ cánh xuống sân bay có mang theo người mắc bệnh thổ tả thì liệt vào hạng máy bay có dịch thổ tả. Nếu trong hành trình có phát sinh bệnh thổ tả nhưng người bị bệnh không còn ở trên máy bay nữa thì máy bay liệt vào hạng nghi có dịch thổ tả.

Điều 86. — Những tàu thủy, thuyền bè máy bay nhập cảnh nếu sau khi khám xét, cơ quan kiểm dịch nhận thấy không có những hiện tượng

www.LawSoft.vn Tel: 84-8-3848-6688

ghi ở các điều 84 và 85 thì liệt vào hạng không có và không nghi là có dịch thổ tả.

Điều 87. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay có dịch thổ tả thì phải thi hành những biện pháp vệ sinh sau đây :

1) Cách ly những người mắc bệnh.

2) Đối với những người muốn rời khỏi chiếc tàu thủy, thuyền bè hay máy bay mà không có giấy chứng nhận tiêm trừ thổ tả hoặc có giấy nhưng không hợp lệ thì phải lưu nghiệm trong 5 ngày kể từ khi rời khỏi tàu thủy, thuyền bè hay máy bay. Những người có giấy chứng nhận tiêm trừ thổ tả hợp lệ thì phải được theo dõi bệnh trong năm ngày. Trong thời gian năm ngày này những người còn ở lại tàu thủy, thuyền bè không được lên bờ trừ những nhân viên làm công tác nghiệp vụ cần thiết được cơ quan kiểm dịch cho phép đi lại.

3) Đối với những hành lý, đồ dùng, chăn màn, quần áo, giường chiếu của người mắc bệnh hay nghi là có bệnh, các bộ phận của tàu thủy, thuyền bè hay máy bay và các vật khác kể cả thức ăn mà cơ quan kiểm dịch cho là đã bị nhiễm dịch thì phải tiến hành khử trùng.

4) Đối với nước uống đã bị nhiễm dịch hay nghi là bị nhiễm dịch thì phải khử trùng rồi tháo đi hết, những bể chứa nước cũng phải khử trùng lại rồi mới được cho nước tốt vào.

5) Đối với phân, rác và nước bẩn (gồm nước dưới đáy khoang, nước dằn tàu, nước thừa v.v...) nếu chưa được khử trùng thì không được đổ ra ngoài.

6) Việc bốc hàng xuống phải được tiến hành dưới sự giám sát của cơ quan kiểm dịch. Công nhân, nhân viên tham gia việc bốc hàng phải được cơ quan kiểm dịch theo dõi bệnh hay lưu nghiệm trong năm ngày, kể từ ngày làm xong việc.

Điều 88. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay nghi có dịch thổ tả. Phải thi hành những biện pháp vệ sinh sau đây :

1) Tiến hành các Biện pháp vệ sinh quy định ở các điểm 3, 4, 5 và 6 điều 87.

2) Đối với những người rời khỏi tàu thủy, thuyền bè hay máy bay thì phải theo dõi bệnh hoặc lưu nghiệm trong năm ngày kể từ ngày rời khỏi nơi có dịch. Trong năm ngày này những người còn ở lại trên tàu thủy, thuyền bè không được lên bờ trừ những nhân viên làm công tác nghiệp vụ cần thiết đã được cơ quan kiểm dịch cho phép đi lại.

Điều 89. — Những xe hỏa, xe cộ nhập cảnh có mang theo người mắc bệnh thổ tả thì phải thi hành những biện pháp vệ sinh sau đây :

1) Thi hành các biện pháp vệ sinh quy định ở các điều 1, 3, 4, 6 điều 87 điều lệ này.

2) Đối với những người nghi là có bệnh thì phải lưu nghiệm trong năm ngày kể từ ngày đến

biên giới. Nếu họ đã có giấy chứng nhận tiêm trừ thổ tả hợp lệ thì chỉ theo dõi bệnh trong năm ngày.

Điều 90. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay có dịch thổ tả, những xe hỏa, xe cộ có chở những người mắc bệnh thổ tả hay những tàu thủy, thuyền bè, máy bay, xe hỏa, xe cộ đã từ vùng có dịch thổ tả đi đến nếu muốn đưa vào Việt-nam những loại hàng thực phẩm còn tươi như hoa quả, các loại đồ uống, các loại rau, cá, tôm, v.v... thì phải thi hành những biện pháp vệ sinh do cơ quan kiểm dịch đề ra. Trường hợp những loại hàng trên được đóng vào chai, lọ hay trong những bưng kiện hàn kín, niêm phong cẩn thận mà cơ quan kiểm dịch xét thấy không bị nhiễm dịch thì có thể được miễn thi hành những biện pháp vệ sinh nói trên.

3. BỆNH ĐẬU MÙA

Điều 91. — Tất cả những người đã khởi hành từ vùng có dịch đậu mùa đến Việt-nam đều phải xuất trình giấy chứng nhận đã chủng đậu hợp lệ cho cơ quan kiểm dịch, trừ những người có những dấu vết rõ rệt chứng tỏ họ đã bị bệnh đậu mùa rồi.

Nếu không có giấy chứng nhận chủng đậu hoặc có nhưng giấy không hợp lệ thì phải chủng lại hoặc phải theo dõi bệnh và có thể phải chủng đậu rồi lại tiếp tục theo dõi bệnh. Nếu không chịu chủng đậu thì phải lưu nghiệm. Thời gian theo dõi bệnh hoặc lưu nghiệm không quá mười bốn ngày kể từ ngày họ rời khỏi nơi có dịch.

Điều 92. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay nhập cảnh có mang theo người bị bệnh đậu mùa hoặc đã có bệnh đậu mùa phát sinh ở trên tàu trong hành trình thì liệt vào hạng có dịch đậu mùa.

Điều 93. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay nhập cảnh được cơ quan kiểm dịch khám và nhận là không có những hiện tượng nói ở điều 92 thì coi là không có dịch đậu mùa.

Điều 94. — Những tàu, thuyền, máy bay có dịch đậu mùa phải thi hành những biện pháp vệ sinh sau đây :

1) Cách ly những người mắc bệnh.

2) Đối với những người xét thấy chưa có miễn dịch đối với bệnh đậu mùa thì yêu cầu họ phải chủng đậu.

3) Đối với những người muốn rời khỏi tàu thủy, thuyền bè, máy bay thì phải lưu nghiệm hoặc theo dõi bệnh. Thời gian lưu nghiệm hoặc, theo dõi bệnh sẽ tùy theo kết quả của chủng đậu và khả năng nhiễm dịch của từng người mà ấn định, nhưng không quá mười bốn ngày kể từ ngày họ đến.

4) Đối với hành lý, đồ dùng, nơi ở của người mắc bệnh hay nghi là có bệnh và những bộ phận của chiếc tàu nghi là nhiễm dịch thì phải khử trùng.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845668
LawSoft

Điều 95. — Những xe hỏa, xe cộ nhập cảnh có mang theo người mắc bệnh đậu mùa thì phải thi hành những biện pháp ở các điểm 1,2,4 điều 94.

Đối với hành khách và nhân viên giao thông phải lưu nghiệm hay theo dõi bệnh thì thời gian lưu nghiệm hay theo dõi bệnh cũng ấn định tùy theo kết quả chủng đậu và khả năng nhiễm dịch của từng người nhưng không quá mười bốn ngày kể từ ngày họ đến biên-giới.

4. BỆNH SỐT VÀNG

Điều 96. — Tất cả những nhân viên giao thông, hành khách từ những khu vực có bệnh sốt vàng thường trú hay đã phát thành dịch, đi đến Việt-nam thì bắt buộc phải có giấy chứng nhận đã tiêm trừ sốt vàng. Người nào không có giấy chứng nhận thì phải được lưu nghiệm đúng sáu ngày kể từ ngày rời khỏi khu vực nói trên. Những người có giấy chứng nhận nhưng chưa đến hạn thuốc tiêm trừ có hiệu lực miễn dịch cũng phải được lưu nghiệm cho đến khi thuốc bắt đầu có hiệu lực miễn dịch.

Điều 97. — Tất cả những máy bay đã khởi hành từ những khu vực có dịch sốt vàng hay có bệnh sốt vàng thường trú thì khi tới Việt-nam phải trình giấy chứng nhận đã diệt muỗi trước khi máy bay cất cánh.

Điều 98. — Những tàu thủy, thuyền bè nhập cảnh có mang theo người mắc bệnh sốt vàng, hay trong hành trình vừa qua đã có bệnh sốt vàng phát sinh trên tàu thì liệt vào hạng tàu có dịch sốt vàng.

Những tàu thủy, thuyền bè mới rời khỏi khu vực có bệnh sốt vàng thường trú hay có dịch sốt vàng, chưa đủ sáu ngày thì liệt vào hạng nghi có dịch sốt vàng. Những tàu thủy, thuyền bè rời khỏi khu vực có bệnh sốt vàng thường trú hay có dịch sốt vàng đã quá sáu ngày rồi nhưng chưa được ba mươi ngày mà thấy có muỗi *Aedès Aegypti* (*Stégomya fasciata*) thì cũng liệt vào hạng nghi có dịch sốt vàng.

Điều 99. — Những máy bay nhập cảnh có mang theo người mắc bệnh sốt vàng thì liệt vào hạng có dịch sốt vàng.

Những máy bay khởi hành từ những khu vực có bệnh sốt vàng thường trú hay đã phát thành dịch mà không có giấy chứng nhận đã được diệt muỗi hoặc có nhưng không hợp lệ và còn tìm thấy muỗi *Aedès Aegypti* (*Stégomya fasciata*) sống trên máy bay thì liệt vào hạng nghi có dịch sốt vàng.

Điều 100. — Những tàu thủy, thuyền bè máy bay nhập cảnh nếu sau khi kiểm dịch không thấy có những hiện tượng ghi trong các điều 98 và 99 thì được coi là không có dịch và không nghi có dịch sốt vàng.

Điều 101. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay có dịch sốt vàng thì phải thi hành những biện pháp vệ sinh sau đây :

1) Cách ly những người mắc bệnh.

2) Đối với những người rời khỏi tàu thủy, thuyền bè hay máy bay mà không có giấy chứng nhận tiêm trừ sốt vàng thì phải lưu nghiệm theo điều 96 điều lệ này.

3) Diệt muỗi cho tàu thủy, thuyền bè, máy bay đồng thời bắt phải đậu xa bờ bãi, xa các tàu thủy, thuyền bè khác ít nhất là bốn trăm thước.

4) Việc bốc hàng xuống chỉ làm sau khi đã diệt muỗi. Nếu bốc hàng xuống trước khi diệt muỗi thì phải được cơ quan kiểm dịch giám sát. Các công nhân khuôn vác phải được theo dõi bệnh và nếu cần thì lưu nghiệm trong sáu ngày kể từ ngày làm xong việc.

Điều 102. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay nghi có dịch sốt vàng thì phải thi hành những biện pháp vệ sinh nói ở các điểm 2, 3, 4 điều 101.

Điều 103. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay không có dịch nhưng nếu đã khởi hành từ những khu vực có dịch sốt vàng và sau khi khám xét thấy cần thiết thì cơ quan kiểm dịch có thể bắt phải thi hành các biện pháp nói ở các điểm 2, 3, 4 điều 101.

Điều 104. — Khi xe hỏa, xe cộ nhập cảnh có mang theo người bị bệnh sốt vàng hoặc đi từ vùng có dịch sốt vàng đến thì phải thi hành những biện pháp vệ sinh nói ở các điểm 1 và 4 điều 101. Ngoài ra các xe hỏa, xe cộ này phải triệt để tiến hành diệt muỗi. Những người không có giấy chứng nhận đã tiêm trừ bệnh sốt vàng hay có giấy chứng nhận nhưng không hợp lệ thì phải thi hành những biện pháp nói trong điều 96.

5. BỆNH SỐT HỒI QUY VÀ SỐT PHÁT BAN

Điều 105. — Đối với những người đã rời khỏi vùng có dịch sốt phát ban hay sốt hồi quy một thời gian chưa quá thời gian ủ bệnh của bệnh dịch ấy thì khi họ vào nước Việt nam, cơ quan kiểm dịch có thể tiến hành diệt chấy rận cho họ, đồng thời theo dõi bệnh trong một thời gian không quá thời gian ủ bệnh của bệnh ấy kể từ ngày diệt chấy rận xong.

Áo quần, hành lý của những người này và những vật có thể làm lây bệnh sốt phát ban và sốt hồi quy được thì phải được diệt chấy rận và nếu cần thì khử trùng.

Điều 106. — Những tàu thủy, thuyền bè, máy bay nhập cảnh có mang theo người bị bệnh sốt phát ban hay sốt hồi quy thì phải thi hành những biện pháp vệ sinh sau đây :

1) Cách ly những người mắc bệnh.

2) Diệt chấy rận cho tất cả những người nghi là đã bị nhiễm dịch. Những người nghi là đã nhiễm dịch mà muốn rời khỏi tàu thủy, thuyền bè, máy bay thì phải được theo dõi bệnh trong một thời gian không quá thời gian ủ bệnh của bệnh ấy, kể từ ngày rời khỏi tàu thủy, thuyền bè hay máy bay.

3) Diệt chấy rận và nếu cần thì khử trùng những quần áo, hành lý và những đồ vật của người mắc bệnh hay nghi là có bệnh, có thể làm lây bệnh sốt phát ban hay sốt hồi quy.

4) Tiến hành diệt chấy rận và nếu cần thì khử trùng những vật dụng, những bộ phận trên tàu thủy, thuyền bè, máy bay mà người mắc bệnh đã dùng tới hay những bộ phận khác mà cơ quan kiểm dịch nghi là đã bị nhiễm dịch.

Điều 107. — Những xe hỏa, xe cộ nhập cảnh có mang theo người bị bệnh sốt phát ban hay sốt hồi quy thì phải thi hành các biện pháp nói ở các điểm 1, 3, 4 trong điều 106.

Cần phải diệt chấy rận cho những nhân viên giao thông và hành khách trên tàu, xe ấy và theo dõi bệnh cho họ trong một thời gian không quá thời gian ủ bệnh, tính từ ngày diệt chấy rận xong.

CHƯƠNG IX

MIỄN PHÍ VÀ THU PHÍ

Điều 108. — Tất cả những tàu thủy, thuyền bè, máy bay, các loại xe cộ khác không phân biệt của Việt-nam hay của nước ngoài cũng với những hành khách, hành lý và hàng hóa trên những phương tiện giao thông ấy mỗi khi phải tiến hành kiểm dịch hoặc xử lý vệ sinh theo các điều khoản trong điều lệ này đều được miễn cho các khoản phí tổn sau đây :

1) Phí tổn về việc khám nghiệm cho những nhân viên giao thông, hành khách và hành lý của họ, cho hàng hóa, cho tàu thủy thuyền bè, máy bay và các loại xe cộ khác.

2) Phí tổn về điều trị thuốc men, hộ lý và ăn uống cho những người phải cách ly hoặc lưu nghiệm ở bệnh viện lây vì đã mắc bệnh truyền nhiễm kiểm dịch (những trường hợp khác không áp dụng).

3) Phí tổn trong việc diệt côn trùng hay khử trùng cho những nhân viên giao thông, hành khách cùng với hành lý và y phục của họ.

4) Phí tổn trong việc tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm cho những nhân viên giao thông và hành khách.

5) Phí tổn trong việc cấp phát các loại chứng từ kiểm dịch cho những nhân viên giao thông, hành khách hay cho tàu thủy, thuyền bè, máy bay hoặc các loại xe cộ khác

Điều 109. — Khi trên tàu thủy, thuyền bè có người mắc bệnh truyền nhiễm kiểm dịch phải chuyên chở lên bờ thì tiền chuyên chở do tàu thủy, thuyền bè đài thọ.

Điều 110. — Tàu thủy, thuyền bè, máy bay xe cộ phải hoàn lại cho cơ quan kiểm dịch theo giá tiền quy định chung những khoản phí tổn sau đây :

1) Phí tổn trong việc diệt chuột cho tàu thủy, thuyền bè, máy bay, xe cộ bằng phương pháp sát trùng, hóa học, hay cơ học.

2) Phí tổn trong việc tiêu độc nước dẫn tàu, nước uống, phân, rác và nước bẩn của tàu thủy, thuyền bè, máy bay hay xe cộ.

3) Phí tổn trong việc diệt trùng, tiêu độc cho hàng hóa, cho tàu thủy, thuyền bè, máy bay và các loại xe cộ khác.

Bộ Y tế quy định và công bố trước khi thi hành giá ngạch và cách thu các khoản phí tổn nói trên.

Điều 111. — Khi cơ quan kiểm dịch xử lý vệ sinh cho tàu thủy, thuyền bè, máy bay, xe cộ nếu có những khoản phí tổn nào mà tàu thủy, thuyền bè, máy bay hoặc xe cộ phải nộp thì cơ quan kiểm dịch phải báo cho người phụ trách tàu thủy, thuyền bè, máy bay, xe cộ ấy biết trước.

Khi cơ quan kiểm dịch thu tiền phí tổn về việc xử lý vệ sinh thì phải cấp giấy chứng nhận đã thu phí cho người nộp tiền.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 112. — Đối với những người vi phạm ban đầu điều lệ này hoặc không thi hành đúng những mệnh lệnh chuyên môn của cơ quan kiểm dịch, thì cơ quan kiểm dịch sẽ tùy theo lỗi nhẹ hay là nặng mà phê bình, cảnh cáo hoặc không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch, không cho phép ra vào, hoặc lưu lại trên đất nước Việt-nam, hoặc phạt tiền từ một vạn đồng đến một triệu đồng.

Trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng có phương hại lớn đến vệ sinh chung hay là làm thiệt hại đến tinh mạng tài sản của nhân dân cơ quan kiểm dịch có thể đưa can phạm ra truy tố trước tòa án.

Điều 113. — Nếu có những điểm đương sự không đồng ý với mệnh lệnh hoặc quyết định của cơ quan kiểm dịch thì trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được tổng đạt mệnh lệnh hoặc quyết định đó, đương sự có quyền đề nghị lên Bộ Y tế.

xét lại. Trong khi chờ đợi quyết định của Bộ Y tế đương sự vẫn phải thi hành mệnh lệnh hoặc quyết định của cơ quan kiểm dịch.

Điều 114. — Tùy theo điều kiện tổ chức và thiết bị của từng nơi, Bộ Y tế quy định thể lệ chi tiết áp dụng điều lệ này cho từng loại cơ quan kiểm dịch.

Ban hành kèm theo nghị định số 642-BYT/PB ngày 26 tháng 6 năm 1958.

Hà nội, ngày 31 tháng 7 năm 1958
 Bộ trưởng Bộ Y tế
 Bác sĩ HOÀNG TÍCH TRÍ

ĐÍNH CHÍNH

Công báo số 28 ngày 30-7-1958

Nghị định của Ngân hàng Quốc gia Việt-nam số 227-NgĐ ngày 11-7-1958 thành lập các phòng Doanh nghiệp thuộc chi nhánh Ngân hàng các tỉnh Sơn-tây, Quảng-bình, Yên-bái, Bắc-giang, Hà-tĩnh, Bắc-ninh, Phú-thọ, Kiến-an và Tuyên-quang.

Trang 487 — cột bên trái — Dòng thứ 10 :

Đã in: Sắc lệnh số 76-SL ngày 6-5-1951 thiết lập Ngân hàng Quốc gia Việt-nam.

Nay sửa lại là: Sắc lệnh số 15-SL ngày 6-5-1951 thiết lập...

HẢI CẢNG
 Port of _____

PHỤ BẢN

SỐ
 N° _____

CƠ QUAN Y TẾ KIỂM DỊCH
 NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
 Sanitary quarantine service of
 the Democratic Republic of Viet Nam

GIẤY CHỨNG NHẬN Y TẾ HÀNG HẢI
BILL OF HEALTH

Nay chứng nhận tàu Quốc tịch
 Certified that the ship Nationality
 Thuyền trưởng là (tên, họ) Trọng lượng riêng
 Master is (full, name) Net registered tonnage
 Hôm nay Tàu rời cảng
 To day Leave the port of
 Đi tới Cờ chữ thuyền viên (gồm sĩ quan và thủy thủ)
 Bound for with crew (including officers and seamen)
 Và hành khách Cùng với tấn hàng hóa
 And passengers With tons of cargo

Khi khởi hành tình hình vệ sinh trên tàu rất tốt.
 Departs under the most favourable sanitary conditions

TÌNH HÌNH VỆ SINH TẠI HẢI CẢNG — PORT SANITARY STATEMENT

Những trường hợp bệnh và chết đã xảy ra trong tuần lễ vừa qua (đến hết ngày 195.)
 Number of cases and deaths occurred during the last week (ending the)

TÊN BỆNH — DISEASES	SỐ NGƯỜI BỆNH No of cases	SỐ CHẾT Deaths	CHỮ THÍCH Remarks
Dịch hạch — Plague			
Thở tả — Cholera			
Đậu mùa — Smallpox			
Sốt vàng — Yellow fever			
Sốt phát ban — Typhus fever			
Sốt hồi quy — Relapsing fever			

Chú ý: có giá trị trong 24 giờ kể từ khi cấp giấy.
 N. B. : For 24 hours since the hour of issue.
 Cấp ngày 195 hời giờ
 Issued the at hour

TRƯỞNG PHÒNG KIỂM DỊCH
 HẢI CẢNG
 Director of port sanitary
 quarantine service

LawSoft * Tel: +84-8-3645 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

HẢI CẢNG
Port of _____

CƠ QUAN Y TẾ KIỂM DỊCH
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Số
No

Sanitary quarantine service of the
Democratic Republic of Viet Nam

GIẤY KIỂM DỊCH NHẬP CẢNG
CERTIFICATE OF QUARANTINE INSPECTION ON ARRIVAL

Nay chứng nhận tàu Quốc tịch
Certified that the ship Nationality
Thuyền trưởng là Cùng với thủy thủ
Master's name with crew
Và hành khách; có chở tấn hàng hóa
And passengers ; with tons of cargo

Đã được cơ quan kiểm dịch khám nghiệm, Nay cấp giấy chứng nhận kiểm dịch, được phép cập bến. và được tự do giao dịch.

Has been duly inspected by the quarantine service. This is hereby issued the certificate, in order to permit her to enter the port of and free pratique.

QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ CHỨC TRÁCH KIỂM DỊCH
DECISION OF HEALTH AUTHORITIES

Cấp ngày 195 hồi giờ
Issued the at hour

Những biện pháp vệ sinh
Sanitary precautions
.
.

Nhân viên kiểm dịch ký nhận
Signed of quarantine officer

HẢI CẢNG
Port of _____

CƠ QUAN Y TẾ KIỂM DỊCH
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Số
No

Sanitary quarantine service of the
Democratic Republic of Viet Nam

GIẤY KHAI SỨC KHỎE KHI TÀU RỜI BẾN
DECLARATION OF HEALTH FOR OUT BOUND VESSELS

Tên tàu Name of vessel	Ngày giờ nhổ neo Time of departure	Tổng số thuyền viên Total no. of crew
Quốc tịch Nationality	Đi tới đâu Bound for	Tổng số hành khách Total no. of passengers
Thuyền trưởng Master's name	Trọng lượng riêng Net registered tonnage	Tổng số hàng hóa Total no. of cargo tấn

Thuyền trưởng hay thầy thuốc trên tàu trả lời những câu hỏi dưới đây:
The following questions answered by captain or ship's surgeon:

- | | |
|--|---|
| <p>1 — Trong thời gian đỗ tại bến, trên tàu có người mắc bệnh hay nghi mắc bệnh truyền nhiễm không?</p> <p>2 — Hiện nay trong số thủy thủ và hành khách có người nào ốm hay chết không?</p> <p>3 — Có giấy chứng nhận diệt chuột hay miễn diệt chuột không, nếu có thì ghi rõ ngày tháng và nơi cấp.</p> <p>4 — Ông có cần được cấp một giấy chứng nhận y tế hàng hải cho chuyến đi này không?</p> <p>Tôi cam đoan những chi tiết và những điều tôi trả lời ở trên là sự thật và đúng.</p> | <p>1 — Has there been on board any case of suspected case of infectious disease, while vessel is lying in port?</p> <p>2 — Is there now any case of illness or death occurring among the crew and passengers?</p> <p>3 — Is there a deratisation or deratisation exemption certificate aboard if answer is yes given name of the port and date of issue.</p> <p>4 — Do you decide to have a bill of health for this out bound voyage?</p> <p>I hereby declare that the particulars and answers to the questions given above are true and correct.</p> |
|--|---|

Ngày tháng
Date

Thuyền trưởng ký tên
Master signed
Thầy thuốc ký tên
Ship's surgeon signed

09668358

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

HẢI CẢNG.
Port of _____

CƠ QUAN Y TẾ KIỂM DỊCH
NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Số.
N^o _____

Sanitary quarantine service of the
Democratic Republic of Viet Nam

GIẤY KHAI SỨC KHỎE CỦA TÀU ĐẾN
DECLARATION OF HEALTH ON ARRIVAL

Tên tàu Name of vessel	Đi từ From	Đến. To
Quốc tịch Nationality	Hàng hóa chính. Principal cargo	
Tên thuyền trưởng. Master's name	Số hành khách Number of passengers	
Tên thầy thuốc Dortor's name	Số thủy thủ Number of crew	
Trọng tải thực Net registered tonnage	Giấy chứng nhận diệt chuột hay miễn diệt chuột Certificate of deratisation or deratisation exemption	

Cấp ngày (Date of issue)

Nơi cấp (Issued at)

Bảng kê những bến mà tàu đã đỗ lại từ khi bắt đầu ra đi — Ghi rõ ngày tháng rời bến.
List of ports of call from beginning of voyage — With dates of departure.

Cảng — Port	Ngày tháng Date	Cảng — Port	Ngày tháng Date	Cảng — Port	Ngày tháng Date
1		5		9	
2		6		10	
3		7		11	
4		8		12	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

09668358

CÂU HỎI VỀ SỨC KHỎE	HEALTH QUESTIONS	ANSWER YES OR NO
<p>1 — Trong khi đi đường, trên tàu có người mắc bệnh hay nghi mắc bệnh dịch hạch, thổ tả, đậu mùa, sốt vàng, sốt phát hay sốt hồi quy không? ghi chi tiết vào bản phụ*.</p> <p>2 — Trong hành trình, trên tàu có thấy chuột to hay chuột nhắt bị mắc bệnh hay nghi mắc bệnh dịch hạch, hoặc thấy có nhiều chuột chết một cách bất thường không?*</p> <p>3 — Trong hành trình, trên tàu có người nào chết mà không phải vì tai nạn không? ghi chi tiết vào bản phụ*.</p> <p>4 — Trong hành trình đã qua và hiện nay trên tàu có thấy có người mắc bệnh có tính chất truyền nhiễm không? ghi chi tiết vào bản phụ.</p> <p>5 — Hiện nay trên tàu có người nào ốm không? ghi chi tiết vào bản phụ.</p> <p><i>CHÚ Ý: Nếu không có thầy thuốc, thuyền trưởng coi những triệu chứng sau đây là tình trạng nghi ngờ có những bệnh truyền nhiễm: sốt cao tình trạng ủ rũ hoặc sốt dai dẳng hoặc sốt có sưng hạch; sốt hay không sốt rồi thấy phát ban trên da; đi ỉa lỏng trầm trọng và suy nhược; sốt rồi vàng da.</i></p> <p>6 — Ông có biết ở trên tàu còn có những tình huống nào khác có thể giúp cho bệnh truyền nhiễm lây lan hay phát triển không? Tôi cam đoan rằng những chi tiết và những câu trả lời tôi ghi trong bản khai sức khỏe này (kể cả bản phụ) là sự thật, đúng theo hiểu biết và tin tưởng của tôi.</p>	<p>1 — Has there been on board during the voyage any case or suspected case of plague, cholera, smallpox, yellow fever, typhus fever or relapsing fever? Give particulars in the schedule*.</p> <p>2 — Has plague occurred or been suspected among the rats or mice on board during the voyage; or has there an unusual mortality among them?*</p> <p>3 — Has any person died on board during the voyage otherwise than as a result of accident? Give particulars in schedule*.</p> <p>4 — Is there on board or has there been during the voyage any case of illness which you suspect to be of an infectious nature? Give particulars in the schedule.</p> <p>5 — Is there any sick on board now? Give particulars in schedule.</p> <p><i>NOTE: In the absence of a surgeon the master should regard the following symptoms as ground for suspecting the existence of infectious disease: fever accompanied by prostration or persisting for several days, or attended with granular swelling; or any acute skin rash or eruption with or without fever; severe diarrhoea with symptoms of collapse; jaundice accompanied by fever.</i></p> <p>6 — Are you aware of any other conditions on board which may lead to infection or the spread of infectious diseases?</p> <p>I hereby declare that the particulars and answers to the questions given in this declaration of health (including the schedule) are true and correct to the best of my knowledge and belief.</p>	
<p>Ngày tháng Date</p>	<p>Thầy thuốc trên tàu ký liếp Ship's surgeon countersigned</p>	<p>Thuyền trưởng ký Master signed</p>

* Nếu tính từ ngày khởi hành đã quá sáu tuần lễ thì chỉ ghi tình hình của sáu tuần vừa qua.
If more than 6 weeks have elapsed since the voyage began, it will suffice to give particulars for the last 6 weeks.

BẢN PHỤ GIẤY TRÌNH BÀY
SCHEDULE TO THE DECLARATION

Tình hình tỉ mỉ về bệnh tật hay sự chết chóc ở trên tàu
Particulars of every case of disease or death on board

TÊN — HỌ Name	Chức vụ trên tàu Rank	Tuổi Age	nam hay nữ Sex	Quốc tịch Nationality	Cảng lên tàu Port of em- barkment	Ngày lên tàu Date of em- barkment	Bệnh trạng Nature of disease	Ngày phát bệnh Date of onset	Kết quả bệnh* Result of disease*	Phương pháp giải quyết Disposal of case**

* Ghi đã khỏi — chưa khỏi — chết.
State whether recovered — Still ill — died.

** Nói rõ bệnh nhân còn ở trên tàu, hoặc đã lên bến (ghi tên cảng) hay đã chôn ở bể.
State whether still on board, landed (give name of port) buried at sea.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 www.lawvietnampat.com 9668358

CƠ QUAN Y TẾ KIỂM DỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
SANITARY QUARANTINE SERVICE OF THE DEMOCRATIC REPUBLIC OF VIETNAM

GIẤY CHỨNG NHẬN TIÊM HOẶC TIÊM LẠI TRỪ BỆNH THỎ TẢ
CERTIFICATE OF VACCINATION OR REVACCINATION AGAINST CHOLERA

Nay chứng nhận Tuổi
This is to certify that Age
Tinh biệt Có chữ ký kèm theo đây.
Sex Whose signature follows

Đã được tiêm hoặc tiêm lại trừ bệnh thổ tả vào ngày tháng ghi dưới
Has on the date indicated been vaccinated or revaccinated against cholera

Ngày tháng Date	Chữ ký và chức vụ người tiêm Signature and professional status of vaccinator	Dấu chứng nhận Approved stamp	
		1	2
1			
2			
3		3	4
4			
5		5	6
6			
7		7	8
8			

Giấy chứng nhận này có giá trị trong thời gian 6 tháng, tính từ ngày thứ sáu sau khi tiêm phòng lần đầu và tính từ ngày thứ nhất nếu là trường hợp tiêm lại trong vòng sáu tháng kể trên.

The validity of this certificate shall extend for a period of six months beginning six days after the first injection of the vaccine or in the event of a revaccination within such period of six months, on the date of that revaccination.

www.HuynhPhapLuat.com
Tel: 0910-3042-0084
LawSoft

CƠ QUAN Y TẾ KIỂM DỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
 SANITARY QUARANTINE SERVICE OF THE DEMOCRATIC REPUBLIC OF VIETNAM

GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨNG ĐẬU HAY TÁI CHỨNG
 CERTIFICATE OF VACCINATION OR REVACCINATION AGAINST SMALLPOX

Nay chứng nhận có chữ ký kèm theo đây
 This is to certify that whose signature follows

Tuổi Tính biệt
 Age Sex

Đã được chủng đậu hay tái chủng, vào ngày tháng ghi dưới
 Has on the date indicated been vaccinated or revaccinated against smallpox

Ngày tháng Date	Chữ ký và chức vụ người chủng đậu Signature and professional status of vaccinator	Dấu chứng nhận Approved stamp		Sơ chủng hay tái chủng. Nếu là sơ chủng ghi rõ có mọc không. State whether primary vaccination primary whether successful
		1	2	
1				
2				
3		3	4	
4				

Giấy chứng nhận này có giá trị trong thời gian 3 năm—tính từ ngày thứ 8 sau khi sơ chủng và tính từ ngày thứ nhất nếu là tái chủng.

The validity of this certificate shall extend for a period of three years beginning eight days after the date of a successful primary vaccination or in the event of a revaccination, on the date of that revaccination.

LawSoft - Tel: 646 3642 6661 - www.LawVienPhapLuat.com

09668338

GIẤY CHỨNG CHỈ DIỆT TRỪ CHUỘT (a) DERATTING CERTIFICATE GIẤY CHỨNG CHỈ MIỄN DIỆT TRỪ CHUỘT (a) DERATTING EXEMPTION CERTIFICATE

Cấp theo tinh thần của điều khoản 52 của Công pháp Quốc tế kiểm dịch
issued in accordance with article 52 of the International sanitary regulations

(Nhà chức trách kiểm dịch các Hải cảng không có quyền thu giấy này lại) (No to be taken away by Port authorities)

Hải cảng _____
Port of _____

Ngày _____
Date _____

Giấy này chứng nhận đã khám xét và { diệt trừ chuột { (a)
miễn diệt trừ chuột { ở cảng này vào ngày tháng ghi trên

This certificate records the inspection and { deratting { (a)
exemption { at this port and on the above date

của tàu _____ trọng tải _____ { trọng tải thực nếu là tàu biển { (a) (f)
trọng tải _____ nếu là tàu sông, hồ { (a) (f)

of the { Ship { (a) { net tonnage for a sea-going vessel { (a) (f)
{ inland navigation vessel { _____ of _____ { tonnage for an inland navigation vessel { (a) (f)

Trong khi { khám { (a)
diệt chuột { các khoang tàu đang chứa _____ tấn hàng hóa gì _____

At the time of { inspection { (a)
deratting { the holds were laden with _____ tons of _____ cargo

CÁC BỘ PHẬN CỦA TÀU (b)	VẾT TÍCH CHUỘT <i>Rat</i> Indications	Ồ CHUỘT		DIỆT TRỪ CHUỘT - DERATTING				COMPARTMENTS (b)
		Tìm thấy <i>discovered</i>	Tiêu diệt <i>treated</i>	Bằng cách bun - <i>By fumigation</i> Hơi dung - <i>Fumigan!</i> Thời gian (giờ) - <i>Hours exposure</i>		Bằng bẫy hay đánh thuốc độc <i>By catching, trapping or poisoning</i>		
				Khoảng (thước khối) <i>Space</i>	Số lượng dùng <i>Quantity used</i>	Số chuột chết <i>Rats found</i>	Bẫy hay thuốc độc đã đặt <i>Traps set or poison</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐÀN ĐÀN CHỦ CÔNG HÒA C.B. SỐ 32 - 1958

09668358
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Khoang *										Holds 5
Khoang 5										Holds 6
Khoang 6										Holds 7
Khoang 7										Shelter deck space
Khoang giữa hai boong										Bunker space
Phòng chứa than										Engine room and shaft alley
Buồng đặt lò, hầm máy										Forepeak and storeroom
Bịch dăng trước và kho										Afterpeak and storeroom
Bịch dăng sau và kho										Lifeboats
Xưởng cấp cứu										Charts and wireless rooms
Buồng bán đồ, buồng vô tuyến điện										
Bếp										Galley
Kho lương thực										Pastry
Hầm thực phẩm										Provision storerooms
Buồng (thủy thủ)										Quarters (crew)
Buồng (sĩ quan)										Quarters (officers)
Buồng (hành khách)										Quarters (cabin passengers)
Buồng (đi crew)										Quarters (steerage)
Tổng số										Total

(a) Gạch những điểm không dùng tới — Strike out the unnecessary indications.

(b) Trường hợp nào không có những bộ phận kể trên thì ghi rõ là không có — In case any of the compartments enumerated do not exist on the ship or inland navigation vessel, this fact must be mentioned.

(c) Vết tích cũ, mùi của phân, chân chuột, và gặm nhấm — Old or recent evidence of excreta, runs, or gnawing.

(d) Ghi rõ: không có, hoặc ít, hoặc vừa, hoặc nhiều — None, small, moderate, or large.

(e) Ghi rõ trọng lượng điem sulphur, hay si-a-nua, hay tỷ lệ a-xít si-a-ni-đơ-ric — State the weight of sulphur, or of cyanide salts, or quantity of HCN acid used.

(f) Ghi rõ trọng rẽ nước của tàu, hoặc cách tính trọng tải khác — Specify whether applies to metric displacement or any other method of determining the tonnage.

Chú thích — Recommendations made — Trường hợp miễn diệt trừ chuột, ghi ở đây những phương pháp đã dùng để giữ cho trên tàu chỉ có số chuột không đáng kể — In the case of exemption, state here the measures taken for maintaining the ship or inland navigation vessel in such a condition that the number of rats on board is negligible.

Tên và chức vụ người khám xét chữ ký và đóng dấu
Seal name, qualification and signature of the inspector

PHỦ THỦ TƯỚNG CHÍNH, PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA XUẤT BẢN

In tại Nhà máy in Tiến bộ — Hà Nội